

NAVIBANK

Securities

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



Hà Nội, tháng 3 năm 2016

MỤC LỤC

1. Thông tin chung	4
1.1. Thông tin khái quát	4
1.2. Quá trình hình thành và phát triển	4
1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
1.4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
1.5. Định hướng phát triển	7
1.6. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty	8
1.7. Các rủi ro	8
2. Tình hình hoạt động trong năm	10
2.1. Tình hình hoạt động kinh doanh	10
2.2. Tổ chức và nhân sự	10
2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	12
2.4. Tình hình tài chính	12
2.4.1. Tình hình tài chính.....	12
2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	12
2.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	13
2.5.1. Cổ phần:	13
2.5.2. Cơ cấu cổ đông:.....	13
2.5.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ:.....	14
2.5.4. Các chứng khoán khác:	14
3. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	14
3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	14
3.2. Tình hình tài chính	14
3.2.1. Tình hình tài sản.....	14
3.2.2. Tình hình nợ phải trả:.....	15
3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	15
3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	15
3.5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán :.....	15
4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	15
4.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	15
4.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	15
4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	15
5. Quản trị công ty	16



5.1. Hội đồng quản trị.....	16
5.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị	16
5.1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	16
5.1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	16
5.1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành	17
5.1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị	17
5.1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty 17	
5.1.7. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.....	17
5.2. Ban kiểm soát.....	18
5.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát	18
5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:.....	18
5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	18
5.3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích	18
5.3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ	18
5.3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ	18
5.3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.....	18
6. Báo cáo tài chính.....	19
6.1. Ý kiến kiểm toán.....	19
6.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	19

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tên viết tắt: **NVS**

Năm báo cáo: **2015**

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank**
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 93/UBCK-GPHDKD
- Vốn điều lệ: 187.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 187.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy tỷ đồng)
- Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.
- Số điện thoại: (844) 3724 5999 Fax: (844) 3724 5775
- Website: www.nvs.vn Email: contact@nvs.vn

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

2008	16 tháng 05	Các cổ đông sáng lập nhận được Phê chuẩn chính thức từ UBCKNN cho phép thành lập NVS với 03 lĩnh vực kinh doanh: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác; Lưu ký chứng khoán. Vốn điều lệ: 42 tỷ đồng. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Minexport, 28 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
2008	06 tháng 06	NVS nhận được Giấy chứng nhận thành viên lưu ký chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
2008	13 tháng 08	NVS được công nhận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
2008	16 tháng 10	NVS được công nhận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
2010	16 tháng 11	NVS chuyển trụ sở chính đến địa điểm Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.
2011	11 tháng 01	NVS nhận được Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt

		động của công ty chứng khoán, theo đó, đổi tên công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank.
2011	19 tháng 05	NVS nhận được Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ lên 161 tỷ đồng.
2015	14 tháng 05	NVS nhận được Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, theo đó, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 187 tỷ đồng và bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

1.3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

– Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán

Chúng tôi cung cấp các dịch vụ sau cho nhà đầu tư:

- Mở tài khoản giao dịch và thực thi lệnh mua/bán chứng khoán cho khách hàng;
- Thông báo đến khách hàng kết quả giao dịch bằng thư điện tử, tin nhắn hoặc điện thoại sau mỗi phiên giao dịch;
- Cho vay ký quỹ giao dịch chứng khoán;
- Môi giới giao dịch trái phiếu, cổ phiếu chưa niêm yết.

- Tư vấn đầu tư chứng khoán

Chúng tôi cung cấp các dịch vụ sau cho nhà đầu tư:

- Cung cấp thông tin thị trường, cơ hội đầu tư cho khách hàng thông qua bản tin ngày, bản tin tuần, bản tin tháng và những báo cáo phân tích chứng khoán;
- Tư vấn chiến lược đầu tư cho khách hàng.

- Lưu ký chứng khoán

- Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác

- Nghiệp vụ hỗ trợ, tư vấn phát hành, phân phối vốn liên quan đến các đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành tăng vốn, quản lý cổ đông;
- NVS còn định hướng tiến trình huy động vốn cho một doanh nghiệp, phát hành riêng lẻ, quyền phát hành và các dạng khác của việc thu hút vốn đầu tư;
- Dịch vụ tư vấn về mua bán, sáp nhập và hợp nhất doanh nghiệp, mua bán tài chính, thiết lập việc cổ phần hóa và các nghiệp vụ hỗ trợ đính kèm;
- Và các dịch vụ tư vấn tài chính khác...

- Tự doanh chứng khoán

Hoạt động tự doanh được thực hiện theo nguyên tắc: đầu tư giá trị, lựa chọn các công ty

có tiềm năng tăng trưởng mạnh hoặc bị định giá thấp hơn tiềm năng.

– Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của NVS tập trung chủ yếu tại khu vực các thành phố lớn như Tp.HCM và Hà Nội.

1.4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

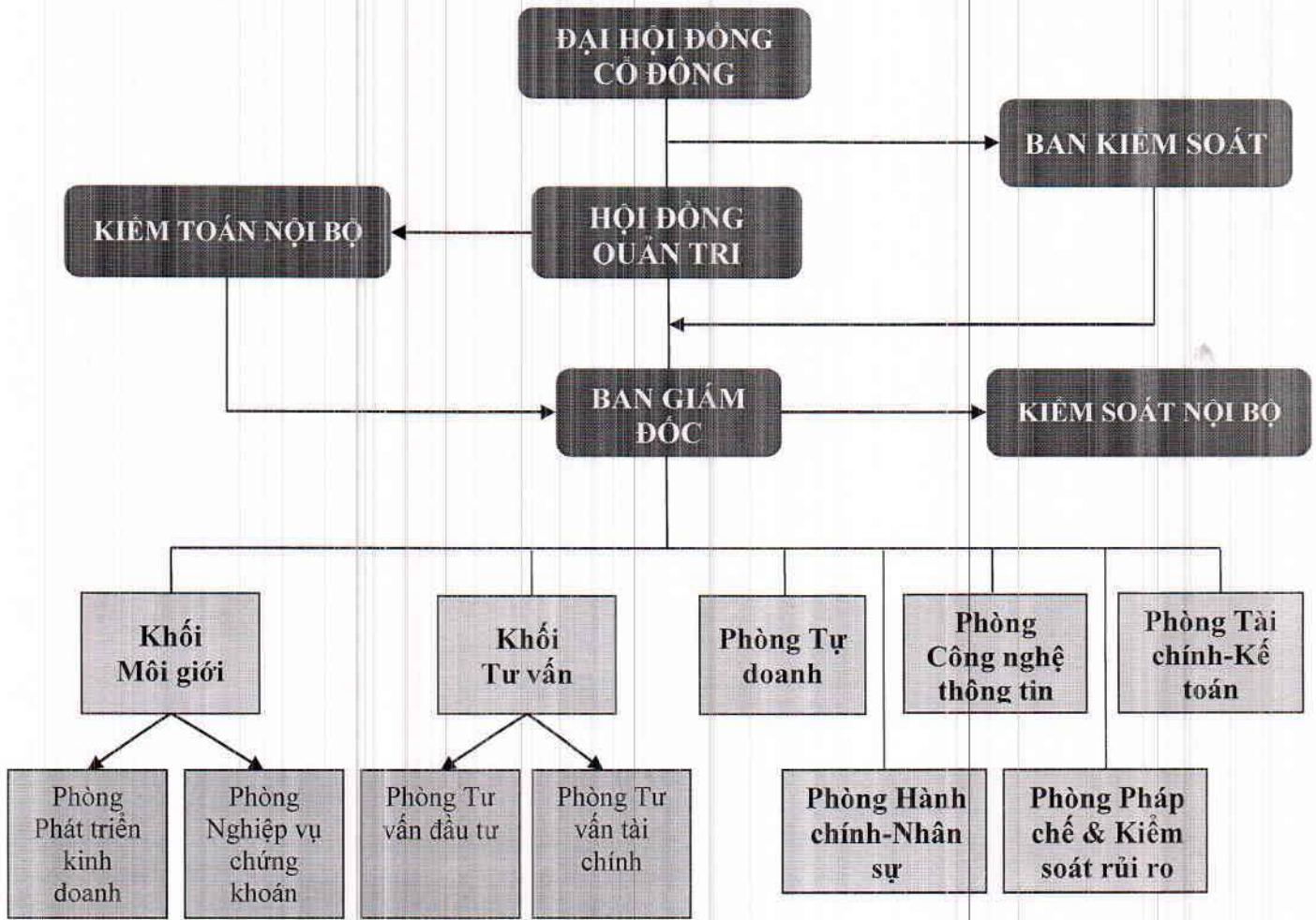
– Mô hình quản trị:

Công ty áp dụng mô hình quản trị phù hợp với xu hướng hiện đại nhằm tạo nên tính linh hoạt nhưng an toàn trong hoạt động, có cơ chế báo cáo định kỳ, bất thường và giám sát chéo. Cụ thể mô hình theo chức năng gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc, lãnh đạo phòng ban chức năng.

– Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công và chịu trách nhiệm theo từng nhóm chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc chỉ đạo, theo dõi, phân cấp, ủy quyền để giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động của công ty đảm bảo thông suốt, hiệu quả.

Sơ đồ tổ chức



1.5. Định hướng phát triển

– Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Từ năm 2015, công ty định hướng tập trung cung cấp dịch vụ chứng khoán chất lượng cao cho nhóm khách hàng đặc thù, ưu tiên các dịch vụ tư vấn đầu tư và tư vấn tài chính chuyên sâu.

Trong năm qua, Công ty vẫn tiếp tục cung cấp các dịch vụ chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác.

Trong các dịch vụ trên, hoạt động Môi giới tiếp tục phát triển theo hướng tập trung vào số ít khách hàng giao dịch lớn, đóng góp chính vào nguồn thu cho Môi giới, không đẩy mạnh về số lượng khách hàng mà mục tiêu đặt ra là nâng cao chất lượng dịch vụ; Hoạt động tư vấn

tài chính doanh nghiệp được đẩy mạnh tập trung vào hoạt động thu xếp vốn và hoạt động tư vấn mua bán, chia tách, sáp nhập doanh nghiệp.

Năm 2015, Công ty đã bổ sung thêm nghiệp vụ tự doanh và nâng vốn điều lệ lên 187 tỷ đồng. Hoạt động tự doanh sẽ tranh thủ sự cộng hưởng từ hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp.

1.6. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Công ty phấn đấu trở thành nơi làm việc được chọn lựa của những người có hoài bão và sáng tạo, sẵn sàng đóng góp trí tuệ và sức lực cho sự thịnh vượng chung của Công ty và cộng đồng; đồng thời, các hoạt động kinh doanh của Công ty luôn chú ý tới việc bảo vệ môi trường chung và từng bước tham gia các chương trình vì cộng đồng nhằm san sẻ những khó khăn với cộng đồng.

1.7. Các rủi ro

Hoạt động quản trị rủi ro của Công ty là một cấu phần không tách rời trong chiến lược tổng thể của Công ty nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững.

Rủi ro được phân nhóm để đánh giá khả năng tác động tới các mục tiêu kinh doanh chính. Đó sẽ là cơ sở để Công ty đưa ra các quy trình nhận diện sớm rủi ro, lượng hóa, gắn với kế hoạch kinh doanh và có cơ chế giám sát, loại trừ. Các giải pháp về quản trị rủi ro sẽ được áp dụng, triển khai nhằm đổi mới, tối ưu hóa hoạt động và tăng trưởng bền vững doanh thu – lợi nhuận.

Bộ máy quản trị rủi ro được phân cấp rõ ràng từ Công ty đến các đơn vị thành viên, đảm bảo rủi ro được xử lý bởi lãnh đạo/cá nhân chịu trách nhiệm và có thẩm quyền. Bộ máy quản trị rủi ro tại Công ty gồm: Ban Điều hành; Bộ máy chuyên trách về quản trị rủi ro; Ban Kiểm soát và bộ phận Kiểm toán nội bộ.

Các rủi ro chính và biện pháp quản trị rủi ro:

– Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là những rủi ro do sự không ổn định, biến động bất thường của thị trường trong giá cả hàng hóa, lãi suất, tỷ giá, chính sách... tác động xấu tới giá của cổ phiếu dẫn tới việc giảm giá trị tài sản của Công ty. Các tài sản chịu ảnh hưởng nhiều của rủi ro thị trường là (1) danh mục đầu tư tự doanh; (2) chứng khoán của khách hàng làm tài sản đảm bảo cho giao dịch ký quỹ.

Danh mục đầu tư tự doanh

Đề phù hợp với tình hình thị trường và định hướng phát triển thiên về dịch vụ tài chính, Công ty trong thời gian trước mắt duy trì một danh mục tự doanh không lớn so với tổng giá trị tài sản.

Chứng khoán của khách hàng làm tài sản đảm bảo cho giao dịch ký quỹ

Các biện pháp quản trị rủi ro đối với tài sản đảm bảo của khách hàng bao gồm:

- + Xác định rõ một số mục tiêu kinh doanh của giao dịch ký quỹ;
- + Xác định hạn mức tối đa với nghiệp vụ, bộ phận, sản phẩm, nhân viên;
- + Xây dựng một danh mục tối ưu, cân bằng giữa nhu cầu kinh doanh, tính cạnh tranh và nhu cầu quản trị rủi ro. Cơ sở xây dựng danh mục là mô hình định lượng sử dụng các thông tin về giao dịch, chỉ số tài chính, chỉ số vĩ mô... Danh mục sau đó được điều chỉnh dựa trên các nhận định của chuyên gia, các thông tin định tính và danh mục tài sản thực tế của Công ty.

– Rủi ro tuân thủ:

Đây là rủi ro liên quan đến khía cạnh pháp lý và những văn bản pháp luật được ban hành trên TTCK. Trong quá trình hoạt động, tất cả các CTCK cần tuân thủ nghiêm ngặt để tránh đổ vỡ hệ thống.

Phòng ngừa, hạn chế rủi ro tuân thủ được xem là công tác quan trọng của Công ty trong năm vừa qua và những năm tiếp theo.

Trong năm 2015 đã có rất nhiều văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của TTCK, CTCK được UBCKNN, các Sở Giao dịch chứng khoán, các cơ quan quản lý ban hành. Công ty luôn cập nhật các văn bản pháp lý, chỉ đạo các phòng ban, nhân viên trong Công ty thực hiện theo hướng dẫn của pháp luật.

Ngoài ra, Công ty còn áp dụng một số biện pháp được thực hiện nhằm phòng ngừa rủi ro tuân thủ như:

- Thiết kế quy trình, chính sách quản trị rủi ro theo quy định của UBCKNN;
- Nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên;
- Hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ;
- Áp dụng kỷ luật nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

Tại NVS, quy trình nghiệp vụ và bộ máy hoạt động được thiết kế với mục đích có sự kiểm tra chéo lẫn nhau để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và sớm phát hiện các sai phạm có thể xảy ra. Ý thức tuân thủ cao của mỗi nhân viên, phòng ban đã

giúp Công ty hạn chế rủi ro, tạo thành văn hóa tuân thủ tại NVS. Công tác đào tạo, tuyên truyền về tuân thủ được chú trọng. Nhân viên mới được tuyển dụng đều được đào tạo, phổ biến về các quy trình, quy chế chung và các quy định đặc biệt có liên quan đến công việc của mình. Việc kiểm soát được thực hiện thường xuyên tại các bộ phận và tập trung hơn tại các bộ phận có khả năng xảy ra nhiều sai phạm. Kết quả kiểm soát nội bộ cũng giúp các bộ phận nghiệp vụ rà soát, sửa đổi quy trình nghiệp vụ nhằm hạn chế rủi ro.

Tại NVS, Nội quy công ty quy định cụ thể hình thức, biện pháp xử lý đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty và Ban Giám đốc đưa ra thông điệp rõ ràng kiên quyết xử lý bất cứ cá nhân nào vi phạm. Các trường hợp vi phạm và biện pháp xử lý được thông báo rộng rãi.

2. Tình hình hoạt động trong năm

2.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

Trong năm 2015, Công ty đã củng cố lại hoạt động môi giới, trong đó tập trung vào những khách hàng lớn có chất lượng giao dịch tốt, khối lượng giao dịch cao, không quá chú trọng vào việc gia tăng thị phần.

Ngoài ra, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp đã được đẩy mạnh, Công ty đã triển khai được một số hoạt động và thu được phí tư vấn từ các hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính như tư vấn phát hành và chuyển nhượng chứng khoán.

2.2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

▪ PHAN ANH TUẤN

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.

▪ TRẦN ANH DŨNG

Chức vụ: Giám đốc Khối Tư vấn

Chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.

▪ NGÔ VĂN DOANH

Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Môi giới

Chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.

▪ **NGUYỄN THỊ THANH THỦY**

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chuyên môn: Cử nhân Quản trị Tài chính-Kế toán

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.

▪ **PHAN MAI QUỲNH TRANG**

Chức vụ: Trưởng phòng Hành chính-Nhân sự

Chuyên môn: Cử nhân

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.

▪ **NGUYỄN VĂN KHÁNH**

Chức vụ: Trưởng phòng Pháp chế và kiểm soát rủi ro

Chuyên môn: Luật sư

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.

▪ **NGUYỄN THỊ THU HUNG**

Chức vụ: Trưởng phòng Công nghệ thông tin

Chuyên môn: Cử nhân Công nghệ thông tin

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.

– Những thay đổi trong Ban điều hành:

Không có.

– Chính sách nhân sự:

Ý thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong việc tồn tại và phát triển nên Công ty đã và đang xây dựng và kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

Trong năm qua, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động đào tạo nhằm phục vụ cho mục tiêu và chiến lược kinh doanh mới bằng việc cử một số nhân viên tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành của các trung tâm đào tạo liên quan đến hoạt động của Công ty.

Tính đến ngày 31/12/2015, tổng số nhân viên của Công ty là 25 người. Khi xây dựng chế độ tiền lương, thưởng và các chính sách dành cho người lao động, Công ty luôn hướng tới tạo mọi điều kiện cho người lao động có thu nhập tốt, an tâm, gắn bó lâu dài với Công ty. Ngoài việc có mức lương không thấp hơn mặt bằng chung của ngành và của xã hội, các chế độ

khác đối với người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cũng được chăm lo đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty còn quan tâm đến cuộc sống tinh thần của người lao động thể hiện qua các chính sách như thăm hỏi CBNV và người nhà khi bị ốm đau, bệnh tật, tặng quà và tổ chức cho CBNV nhân ngày sinh nhật và nhân ngày kết hôn, tổ chức cá buổi tham quan du lịch, tổ chức các cuộc liên hoan vào các ngày lễ, Tết, các ngày kỷ niệm. Công ty có chính sách đề bạt, bổ nhiệm, khen thưởng công bằng, rõ ràng để khuyến khích và vinh danh những người có tài và cống hiến hết mình cho Công ty.

2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

– Các khoản đầu tư lớn:

Không có khoản đầu tư lớn nào được giải ngân trong năm 2015.

– Các công ty con, công ty liên kết:

Không có.

2.4. Tình hình tài chính

2.4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	226.149.653.741	209.866.028.556	(7,20%)
Doanh thu thuần	29.324.377.815	32.259.144.024	10,01%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.853.305.841	14.750.952.644	152,01%
Lợi nhuận khác	2.731.650	377.961.255	13736%
Lợi nhuận trước thuế	5.856.037.491	15.128.913.899	158,35%
Lợi nhuận sau thuế	5.856.037.491	15.128.913.899	158,35%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,226 (lần)	4,291 (lần)	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	2,076 (lần)	3,558 (lần)	

<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,44	0,25	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,79	0,20	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<u>Giá vốn hàng bán</u>			
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	12,97%	15,37%	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	19,97%	46,90%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	4,64%	9,04%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,59%	7,21%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	19,96%	45,73%	
.....			

(Nguồn: Các hệ số tính toán dựa trên số liệu trong BCTC NVS đã kiểm toán năm 2014, 2015)

2.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

2.5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 18.700.000 cổ phần;
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông;
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.700.000 cổ phần;
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: Không có.

2.5.2. Cơ cấu cổ đông:

TT	Họ và tên (cá nhân)/ Tên công ty (pháp nhân)	Số giấy CMND/số Giấy CNĐKKD	Ngày cấp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ
01	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	00057/NH-GP	18/09/1995	1.770.000	9,5%
02	Nguyễn Sơn	022768266	02/03/2010	8.435.000	45%
03	Quách Thị Nga	020357411	14/05/2014	4.280.000	23%

04	Phạm Thị Yến	025174520	31/08/2009	4.215.000	22,5%
----	--------------	-----------	------------	-----------	-------

2.5.3. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:*

Không có.

2.5.4. *Các chứng khoán khác:*

Không có.

3. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015 tiếp tục là một năm còn khó khăn của nền kinh tế, doanh thu, lợi nhuận của hầu hết các doanh nghiệp đều bị sụt giảm, hoạt động của ngành chứng khoán nói riêng cũng chịu sự tác động không nhỏ. Tuy vậy, với sự nỗ lực của Ban điều hành trong việc thực hiện chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao cộng với sự chỉ đạo, giúp đỡ của HĐQT, Công ty đã kết thúc năm 2015 với kết quả ghi nhận sự tăng trưởng tốt về doanh thu của toàn Công ty với con số đạt 32.259.144.024 đồng, tăng 10,01% so với năm 2014. Trong đó, doanh thu từ hoạt động môi giới đạt 3.833.829.784 đồng tương ứng với 11,88% tổng doanh thu năm; doanh thu từ hoạt động tư vấn đạt 20.809.600.000 đồng tương ứng với 64,5% tổng doanh thu năm, doanh thu khác đạt 5.169.091.261 đồng tương ứng với 16,02% tổng doanh thu năm.

3.2. Tình hình tài chính

3.2.1. Tình hình tài sản

- Tiền và các khoản tương đương tiền: Trong năm 2015 Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh khoản đủ để thanh toán các khoản thanh toán bù trừ và cung cấp tài chính hỗ trợ cho khách hàng giao dịch chứng khoán tại Công ty.
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: Năm 2015, công ty có một số khoản tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn ngân hàng trong những thời điểm chưa sử dụng đến đồng thời bắt đầu tự doanh trên một số mã cổ phiếu vào những thời điểm thị trường thuận lợi.
- Các khoản phải thu ngắn hạn: Trong năm, Công ty có một số khoản phải thu ngắn hạn gồm các khoản tiền hợp tác đầu tư và hỗ trợ tài chính cho khách hàng giao dịch tại Công ty. Các khoản phải thu này đều có tài sản đảm bảo, được kiểm soát theo một quy trình chặt chẽ, đảm bảo an toàn vốn.
- Tài sản dài hạn: Tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng tài sản (0.94%) do Công ty chỉ mua sắm những tài sản thực sự cần thiết cho hoạt động

sản xuất kinh doanh. Trong năm tài sản không có biến động gì lớn do tài sản đã được mua sắm trong những năm trước.

3.2.2. Tình hình nợ phải trả:

Trong năm 2015, Công ty đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2015, nhân sự của Công ty đã được cơ cấu lại theo hướng gọn nhẹ hiệu quả. Các quy trình, chính sách cho từng bộ phận đã được thiết lập và cập nhật, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình mới và các quy định mới của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của toàn Công ty.

3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong thời gian tới, hoạt động môi giới tiếp tục phát triển theo hướng tập trung vào số ít khách hàng giao dịch lớn có hiệu quả về chất lượng, không đẩy mạnh về số lượng. Trên hết, Công ty sẽ tập trung nguồn lực chủ yếu cho hoạt động tư vấn và đầu tư.

3.5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có.

4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

4.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Nhìn chung, trong năm 2015, Ban Điều hành đã thực thi và triển khai thực hiện chỉ đạo về định hướng hoạt động trong năm. Qua đó, CBCNV toàn công ty đã có nhiều nỗ lực và cố gắng trong việc thu hút nhiều khách hàng, tăng trưởng doanh thu, đa dạng hóa cơ cấu nguồn thu, tiết giảm chi phí, tối ưu hóa bộ máy nhân sự, đã ghi nhận sự cố gắng trong việc điều hành công ty theo hướng giảm chi phí, tinh gọn bộ máy nhân sự, tối ưu các vị trí công việc, quản trị rủi ro khá tốt trong các hoạt động đầu tư, cho vay. Trong điều kiện thị trường có nhiều biến động và còn khó khăn, kết quả này là đáng ghi nhận và tiếp tục phát huy hơn nữa để đạt kết quả tốt hơn nữa trong những năm tiếp theo.

4.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Nhìn chung trong năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đã nắm bắt được tình hình hoạt động kinh doanh, xử lý được một số vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền, và tiếp nhận báo cáo từ Tổng giám đốc và Ban Điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị tiếp tục nghiên cứu các giải pháp nhằm nâng cao hiệu

quả hoạt động kinh doanh và đẩy mạnh hoạt động cung cấp các dịch vụ tài chính cho nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty.

- Tập trung mở rộng hoạt động môi giới về chiều sâu, có chất lượng, không đẩy mạnh gia tăng thị phần, đi vào số lượng.
- Đẩy mạnh việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp như phát hành trái phiếu, tư vấn M&A.
- Nghiên cứu, phân tích, giải ngân cho hoạt động đầu tư. Phần đầu hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh năm 2016 trình Đại hội cổ đông.

5. Quản trị công ty

5.1. Hội đồng quản trị

5.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%/vốn điều lệ)	Tình trạng thành viên	Chức danh nắm giữ tại các công ty khác
1.	Phan Anh Tuấn	0	Thành viên điều hành	
2.	Lê Chí Phúc	0	Thành viên độc lập	
3.	Lê Kim Chi	0	Thành viên độc lập	
4.	Nguyễn Sơn	35,62	Thành viên độc lập	
5.	Lê Nguyễn Hoàng Anh	0	Thành viên độc lập	

5.1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Kiểm toán nội bộ.

5.1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị hoạt động theo Điều lệ Công ty. HĐQT họp hàng quý hoặc khi có các vấn đề phát sinh. HĐQT có các chi đạo kịp thời liên quan đến các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được thực thi đầy đủ thông qua các cuộc họp HĐQT.

Dưới đây là tỉ lệ tham gia các buổi họp HĐQT của các thành viên HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Ông Phan Anh Tuấn	CT HĐQT	05	100%	-
02	Ông Lê Chí Phúc	TV HĐQT	05	100%	-
03	Ông Nguyễn Sơn	TV HĐQT	05	100%	Ủy quyền cho ông Tuấn
04	Bà Lê Kim Chi	TV HĐQT	05	100%	-
05	Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	TV HĐQT	05	100%	-

Kết quả các cuộc họp được lập thành biên bản và triển khai cụ thể thông qua các nghị quyết, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/2015/NVS/NQ-HĐQT	06/01/2015	Thanh lý tài sản Công ty
02	02/2015/NVS/NQ-HĐQT	02/02/2015	Thưởng doanh thu cho CBNV Công ty
03	03/2015/NVS/NQ-HĐQT	04/05/2015	Ủy quyền cho TGD giao dịch với NCB
04	04/2015/NVS/NQ-HĐQT	08/06/2015	Bổ nhiệm Kế toán trưởng và phê duyệt giao dịch Công ty với TV HĐQT
05	05/2015/NVS/NQ-HĐQT	28/08/2015	Ký mới HĐLĐ với TGD

5.1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Có 4/5 thành viên Hội đồng quản trị không tham gia điều hành.

5.1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không thành lập tiểu ban Hội đồng quản trị do quy mô hoạt động chưa lớn và bộ máy cần đơn giản. Bổ nhiệm một Trưởng bộ phận đảm nhiệm vai trò thư ký giúp việc cho Hội đồng quản trị.

5.1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- Ông Phan Anh Tuấn
- Ông Lê Chí Phúc.

5.1.7. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Không có.

5.2. Ban kiểm soát

5.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%/vốn điều lệ)
1.	Nguyễn Thanh Minh	0
2.	Đặng Đức Thiện	0
3.	Đỗ Lê Hằng	0

5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát xem xét hàng tháng báo cáo tài chính của Công ty. Trường hợp có thông tin hoặc kiểm tra thấy có bất thường thì Ban kiểm soát trực tiếp đến làm việc với Công ty.
- Tham gia các cuộc họp HĐQT.
- Định kỳ 6 tháng, Ban kiểm soát trực tiếp kiểm tra hoạt động tại Công ty.

5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

5.3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thành viên Hội đồng quản trị không hưởng lương cũng như thù lao của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng lương hàng tháng. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý hưởng lương hàng tháng và có các quyền lợi khác theo quy chế của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5.3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm 2015 không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ nào được thực hiện.

5.3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2015 không phát sinh hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.

5.3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Các quy định về quản trị Công ty luôn được chú trọng và tuân thủ triệt để. Các quy định về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ đang được hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu luật định. Quy chế quản trị nội bộ cũng đã đang trong tiến trình bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị công ty cũng như yêu cầu luật định.

6. Báo cáo tài chính

6.1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Trích dẫn: Báo cáo kiểm toán số: 532/2016/BC.KTTC-AASC.KT2 của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Báo cáo tài chính năm 2015 không có các ý kiến loại trừ.

6.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		182,069,246,179	222,258,852,018
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	43,755,242,310	100,146,078,247
111	1. Tiền		19,886,710,634	93,933,678,247
112	2. Các khoản tương đương tiền		23,868,531,676	6,212,400,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	30,960,000,000	14,700,000,000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		34,160,000,000	14,700,000,000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(3,200,000,000)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	107,226,829,099	107,109,215,188
131	1. Phải thu của khách hàng		21,716,883,770	2,235,233,472
132	2. Trả trước cho người bán		480,000	90,000

138	5.	Các khoản phải thu khác		85,725,442,913	104,873,891,716
139	6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(215,977,584)	-
150	V.	Tài sản ngắn hạn khác		127,174,770	303,558,583
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	7	106,702,044	214,044,879
154	3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	20,472,726	12,115,660
158	5.	Tài sản ngắn hạn khác		-	77,398,044
200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN		27,796,782,377	3,890,801,723
220	II.	Tài sản cố định		1,970,782,760	1,454,454,271
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	9	1,640,583,870	892,327,089
222	-	Nguyên giá		8,443,238,451	9,120,216,921
223	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(6,802,654,581)	(8,227,889,832)
227	3.	Tài sản cố định vô hình	10	230,198,890	462,127,182
228	-	Nguyên giá		4,708,946,430	4,708,946,430
229	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(4,478,747,540)	(4,246,819,248)
230	4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	100,000,000	100,000,000
250	IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	22,629,704,000	-
253	3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn		22,629,704,000	-
260	V.	Tài sản dài hạn khác		3,196,295,617	2,436,347,452
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	13	258,802,574	310,579,880
263	3.	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	2,628,723,043	1,554,685,972
268	4.	Tài sản dài hạn khác		308,770,000	571,081,600
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN		209,866,028,556	226,149,653,741

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A.	NỢ PHẢI TRẢ	42,434,147,161	99,846,686,245
310	I.	Nợ ngắn hạn	42,434,147,161	99,846,686,245
311	1.	Vay và nợ ngắn hạn	15	22,080,000,000
312	2.	Phải trả người bán		10,164,650
314	4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	37,877,481
315	5.	Phải trả người lao động		310,174,990
316	6.	Chi phí phải trả	17	305,959,390
319	8.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	19,689,970,650
400	B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	167,431,881,395	126,302,967,496

410	I. Vốn chủ sở hữu	19	167,431,881,395	126,302,967,496
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		187,000,000,000	161,000,000,000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(19,568,118,605)	(34,697,032,504)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		209,866,028,556	226,149,653,741

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	31/12/2015	01/01/2015
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý	902,409,401	902,409,401
006	6. Chứng khoán lưu ký	2,977,958,840,000	2,717,161,900,000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	1,915,421,290,000	1,752,922,290,000
008	- <i>Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký</i>	16,000,000,000	-
009	- <i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước</i>	1,899,421,290,000	1,752,922,290,000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	976,110,000	1,156,110,000
014	- <i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước</i>	976,110,000	1,156,110,000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố	990,070,410,000	954,181,470,000
019	- <i>Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước</i>	990,070,410,000	954,181,470,000
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ	43,927,890,000	-
024	- <i>Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước</i>	43,927,890,000	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	18,361,780,000	8,886,200,000
029	- <i>Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước</i>	18,361,780,000	8,886,200,000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	9,201,360,000	15,830,000
039	- <i>Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước</i>	9,201,360,000	15,830,000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	6,458,110,000	45,052,340,000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch	6,458,110,000	45,032,340,000
053	- <i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước</i>	6,458,110,000	45,032,340,000
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	-	20,000,000
073	- <i>Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước</i>	-	20,000,000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	28,287,130,000	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu	20	32,259,144,024	29,324,377,815
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		3,833,829,784	18,029,174,973
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		1,125,980,000	-
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		20,809,600,000	883,900,800
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		1,320,642,979	1,463,157,983
01.9	Doanh thu khác		5,169,091,261	8,948,144,059
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	20	32,259,144,024	29,324,377,815
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	10,229,555,230	13,589,698,716
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		22,029,588,794	15,734,679,099
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	7,278,636,150	9,881,373,258
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14,750,952,644	5,853,305,841
31	8. Thu nhập khác		399,538,448	579,633,291
32	9. Chi phí khác		21,577,193	576,901,641
40	10. Lợi nhuận khác		377,961,255	2,731,650
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15,128,913,899	5,856,037,491
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		15,128,913,899	5,856,037,491
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	835	364

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		15,128,913,899	5,856,037,491
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		1,079,352,531	1,785,150,016
03	- Các khoản dự phòng		3,415,977,584	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5,359,543,399)	(8,321,049,453)
06	- Chi phí lãi vay		23,201,371	1,736,259,152
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14,287,901,986	1,056,397,206
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1,447,124,374)	27,282,428,281
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(46,789,704,000)	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(79,311,677,973)	14,886,389,436
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		159,120,141	1,164,761,246
13	- Tiền lãi vay đã trả		(204,062,482)	(1,555,398,041)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		292,311,600	214,278,130
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(30,000,000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(113,013,235,102)	43,018,856,258
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1,611,007,273)	(100,000,000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		439,490,000	636,229,718
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(46,302,122,311)	(22,700,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		51,002,122,311	20,500,000,000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cô tức và lợi nhuận được chia		5,013,916,438	7,877,805,945
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		8,542,399,165	6,214,035,663
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		26,000,000,000	-

33	3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		46,992,772,888	-
34	4.	Tiền chi trả nợ gốc vay		(24,912,772,888)	-
40		<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>48,080,000,000</i>	-
50		Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(56,390,835,937)	49,232,891,921
60		Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	100,146,078,247		50,913,186,326
70		Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<u>43,755,242,310</u>	<u>100,146,078,247</u>

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Năm 2015	Thuyết minh	01/01/2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2015
		VND	VND	VND	VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	161,000,000,000	26,000,000,000	-	187,000,000,000
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(34,697,032,504)	15,128,913,899	-	(19,568,118,605)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	<u>126,302,967,496</u>	<u>41,128,913,899</u>	<u>-</u>	<u>167,431,881,395</u>

Năm 2014	Thuyết minh	1/1/2014	Tăng trong năm	Giảm trong năm	12/31/2014
		VND	VND	VND	VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	161,000,000,000	-	-	161,000,000,000
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(40,553,069,995)	5,856,037,491	-	(34,697,032,504)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	<u>120,446,930,005</u>	<u>5,856,037,491</u>	<u>-</u>	<u>126,302,967,496</u>

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHAN ANH TUẤN